



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Tổ chức sự kiện

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	01	28	5,0	1	Hào	lẻ
2	000002	1001030549	Nguyễn Thị Mai	Hậu	11/04/2004	QM10B	01	29	5,0	01	Hậu	Chẵn
3	000003	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	01	30	3,8	01	Đức	lẻ
4	000004	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	01	31	7,0	01	Anh	Chẵn
5	000005	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM11A	01	32	6,0	02	Kim	lẻ
6	000006	1101030470	Lưu Thị Phương	Anh	08/07/2005	QM11A	01	33	8,0	01	Phương	chẵn
7	000007	1101030471	Ngô Kim	Anh	01/09/2005	QM11A	01	34	7,0	01	Kim	lẻ
8	000008	1101031361	Ngô Thị Lan	Anh	01/09/2005	QM11A	01					ĐK
9	000009	1101031150	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	05/11/2005	QM11A	01	35	4,5	01	Tài	lẻ
10	000010	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	01	36	4,5	01	Quốc	Chẵn
11	000011	1101030484	Phạm Tuấn	Anh	14/07/2005	QM11A	01	37	4,5	01	Tuấn	lẻ
12	000012	1101030486	Phạm Việt	Anh	24/11/2005	QM11A	01					HP,ĐK
13	000013	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	01					✓
14	000014	1101031156	Trịnh Xuân	Anh	18/08/2005	QM11A	01	38	4,5	01	Xuân	Chẵn
15	000015	1101030494	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	04/03/2005	QM11A	01	39	6,5	01	Ngọc	lẻ
16	000016	1101031157	Trương Thị Minh	Ánh	08/05/2005	QM11A	01					HP,ĐK
17	000017	1101030501	Nguyễn Ngọc	Bích	10/09/2005	QM11A	01	40	4,0	01	Bích	lẻ
18	000018	1101030503	Nguyễn Thị Thanh	Bình	03/02/2005	QM11A	01	41	5,0	01	Bình	Chẵn
19	000019	1101031387	Dương Hải	Đặng	20/12/2004	QM11A	01	42	4,0	01	Hải	lẻ
20	000020	1101030340	Vũ Tiến	Đạt	20/10/2005	QM11A	01	43	5,0	01	Tiến	Chẵn
21	000021	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM11A	01	44	3,3	01	Thành	lẻ
22	000022	1101031175	Hà Thị Thùy	Duyên	30/07/2005	QM11A	01	45	9,0	01	Thùy	Chẵn
23	000023	1101030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/11/2005	QM11A	01	46	8,0	01	Mỹ	lẻ
24	000024	1101031179	Đỗ Hoàng	Hà	31/07/2005	QM11A	01	47	5,0	01	Hoàng	Chẵn
25	000025	1101031369	Nguyễn Hữu	Hải	13/06/2005	QM11A	01	48	4,3	01	Hữu	lẻ
26	000026	1101030540	Đào Lệ	Hằng	05/04/2005	QM11A	01	49	5,0	01	Lệ	Chẵn
27	000027	1101030544	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	QM11A	01	50	7,0	01	Thu	lẻ
28	000028	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	01	51	3,8	01	Thu	Chẵn
29	000029	1101030549	Quách Văn	Hiệp	04/11/2005	QM11A	01	52	6,5	01	Văn	lẻ
30	000030	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	01	53	8,0	01	Minh	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 26
 Tổng số tờ giấy thi: 27
 Tổng số biên bản: 0

Ngày 22 tháng 6 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Signature)
Lê T. N. Anh

(Signature)
Hoàng Thị Hương Giang



Học phần: Tổ chức sự kiện

1-27

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000031	1101030551	Nguyễn Phương	Hoa	24/04/2005	QM11A	01	1	6,0	01	Hoa	Lê
2	000032	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	01	2	6,0	01	Hoàng	chấn
3	000033	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	01	3	4,0	01	Hồng	lê
4	000034	1101030577	Đặng Ngọc	Khánh	07/12/2005	QM11A	01	4	5,8	01	Khánh	chấn
5	000035	1101030585	Lê Mai	Lan	20/09/2005	QM11A	01	5	5,3	01	Lan	lê
6	000036	1101030591	Đỗ Khánh	Linh	20/03/2005	QM11A	01	6	6,5	01	Linh	chấn
7	000037	1101030596	Lê Thuý	Linh	04/09/2005	QM11A	01	7	3,5	01	Linh	lê
8	000038	1101030602	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/07/2005	QM11A	01					ĐK
9	000039	1101030611	Bùi Ngọc	Long	26/04/2005	QM11A	01	8	5,0	1	Long	Lê
10	000040	1101030615	Trần Thị Diệu	Ly	04/11/2005	QM11A	01	9	4,0	01	Ly	chấn
11	000041	1101030623	Vũ Thị Thanh	Mai	01/04/2005	QM11A	01	10	4,5	1	Mai	lê
12	000042	1101031376	Phùng Đắc	Mạnh	11/09/2002	QM11A	01					HP,ĐK
13	000043	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	01	11	6,0	1	Ngô	HP Lê
14	000044	1101030650	Bùi Thảo	Nguyên	09/10/2005	QM11A	01	12	8,5	1	Nguyên	chấn
15	000045	1101031220	Tạ Thị Hồng	Nhung	16/08/2005	QM11A	01	13	4,5	1	Nhung	Lê
16	000046	1101030355	Lê Kiều	Oanh	07/09/2005	QM11A	01	14	4,8	1	Oanh	chấn
17	000047	1101030670	Lê Minh	Phuong	04/08/2005	QM11A	01	15	2,0	1	Phuong	Lê
18	000048	1101030677	Nguyễn Anh	Quân	04/08/2005	QM11A	01	16	4,5	1	Quân	chấn
19	000049	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM11A	01	17	3,5	1	Quỳnh	lê
20	000050	1101030693	Nguyễn Trọng Chiến	Thắng	13/07/2005	QM11A	01	18	5,8	1	Chiến	chấn
21	000051	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	01	19	5,3	1	Thảo	lê
22	000052	1101030898	Nguyễn Đức	Thịnh	18/11/2005	QM11A	01	20	5,3	1	Thịnh	chấn
23	000053	1101030708	Nguyễn Thị Tâm	Thư	16/11/2005	QM11A	01	21	5,5	1	Thư	lê
24	000054	1101030710	Nguyễn Hương	Thúy	27/05/2005	QM11A	01	22	8,5	1	Thúy	chấn
25	000055	1101030715	Nguyễn Thị Thanh	Trà	01/09/2005	QM11A	01					ĐK
26	000056	1101030718	Bùi Thị Thùy	Trang	06/08/2005	QM11A	01	23	6,5	1	Trang	chấn
27	000057	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	01					HP,ĐK
28	000058	1101030736	Đoàn Khánh	Tùng	13/11/2005	QM11A	01	24	8,0	1	Tùng	chấn
29	000059	1101030737	Lương Khánh	Tùng	22/03/2005	QM11A	01	25	8,0	1	Tùng	lê
30	000060	1001030744	Dương Thị Hải	Yên	22/11/2004	QM11A	01	26	7,5	1	Yên	chấn
31	000061	1101030757	Lê Hải	Yên	20/06/2005	QM11A	01	27	4,0	1	Yên	lê

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 0

Ngày: 22 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Cao Thị Hằng

Ngô Tuấn